

**TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ
CỦA SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm đạt được	Ghi chú, minh chứng
1.	Chuyển đổi số trong dạy, học	100		73	
1.1	Có ban hành kế hoạch tổ chức dạy học trực tuyến (kết hợp với dạy học trực tiếp; ban hành riêng hoặc lồng ghép trong kế hoạch tổ chức dạy học hàng năm)				
1.2	Có ban hành quy chế tổ chức dạy học trực tuyến				
	Triển khai phần mềm dạy học trực tuyến: - Có triển khai phần mềm dạy học trực tuyến		6	6	Hệ sinh thái giáo dục AEGlobal Microsoft Teams
1.3.	- Có triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS)/ hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến (LCMS) Hệ thống LMS/ LCMS có triển khai các chức năng: (1) Giáo viên giao bài cho học sinh tự học; (2) Giáo viên trả lời (giải đáp) các câu hỏi của học sinh; (3) Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên; (4) Phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động học tập của học sinh.	30	24	24	Hệ sinh thái giáo dục AEGlobal. https://els.aeglobal.edu.vn/
1.4.	Số lượng học liệu số hóa (đã được tổ chuyên môn thông qua và người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt)	10	10	10	https://thnguyentriphuong.haiphong.edu.vn/kho-hoc-lieu/c/1933 Số lượng học liệu: 64

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm đạt được	Ghi chú, minh chứng
1.5.	Có tổ chức triển khai thi kiểm tra đánh giá kết quả học tập trên phòng máy tính có phần mềm, máy tính kết nối mạng LAN	20	0	0	
	Phần mềm tổ chức thi trên máy tính có kết nối, trao đổi kết quả với hệ thống quản trị nhà trường		0		
1.6.	Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: - Tỷ lệ giáo viên có tài khoản sử dụng trên hệ thống bồi dưỡng giáo viên trực tuyến để tự bồi dưỡng qua mạng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.	20	7	20	
	- Tỷ lệ giáo viên có thể khai thác sử dụng các phần mềm, công cụ nhằm đổi mới phương pháp dạy học.		7		
	- Tỷ lệ giáo viên có thể xây dựng được học liệu số, bài giảng điện tử.		6		
1.7.	Hạ tầng, thiết bị sử dụng chuyển đổi số dạy, học - Tỷ lệ phòng học có thiết bị trình chiếu, Thiết bị phục vụ sử dụng dạy - học và kết nối Internet trên tổng số phòng học.	20	8	13	
	- Mức độ đáp ứng yêu cầu dạy môn Tin học		5		
	- Có phòng studio (gồm máy tính, Thiết bị phục vụ cho việc xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử)		0		

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm thành phần	Điểm đạt được	Ghi chú, minh chứng
2.	Chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục	100		83	
2.1.	Cơ sở giáo dục thành lập Bộ phận chỉ đạo, phụ trách, triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số .				
2.2.	Có ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT, chuyển đổi số				
2.3.	Có triển khai phần mềm quản trị nhà trường: - Có ban hành quy chế sử dụng quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)	70	6	63	- Phần mềm CSDL ngành Giáo dục và Đào tạo. - Phần mềm QLCB Misa. - Phần mềm kế toán Misa.
	- Có triển khai phân hệ quản lý học sinh (quản lý hồ sơ, kết quả học tập)		6		
	- Có triển khai sổ điện tử, học bạ điện tử.		3		
	- Có triển khai phân hệ quản lý đội ngũ CBVCNV		6		
	- Có triển khai phân hệ quản lý cơ sở vật chất		10		
	- Có triển khai phân hệ quản lý thông tin y tế trường học, quản lý thông tin về sức khỏe học sinh		10		
	- Có triển khai phân hệ quản lý kế toán		6		
	- Phần mềm kết nối và trao đổi đầy đủ dữ liệu với CSDL ngành (do Bộ quản lý).		6		
2.4.	Mức độ triển khai dịch vụ trực tuyến: - Có triển khai ứng dụng kết nối giữa gia đình và nhà trường	30	8	20	- Phần mềm Enetviet. - Phần mềm quản lý tuyển sinh.
	- Có triển khai dịch vụ tuyển sinh đầu cấp trực tuyến:		12		
	- Có triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt.		0		

Hải Phòng, ngày 30 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Bích Ngọc